

Chương I

KHẮC PHỤC HẬU QUẢ CHIẾN TRANH, ỔN ĐỊNH TÌNH HÌNH SAU GIẢI PHÓNG (5/1975 - 02/1976)

I. TÌNH HÌNH TỈNH TRÀ VINH SAU NGÀY GIẢI PHÓNG (30/4/1975)

1. Đặc điểm tình hình

Dưới sự lãnh đạo của Đảng, Đảng bộ và quân, dân tỉnh Trà Vinh đã anh dũng chiến đấu, giải phóng tỉnh vào ngày 30/4/1975 cùng lúc với giải phóng Sài Gòn. Thắng lợi đó của quân và dân trong tỉnh có ý nghĩa lịch sử to lớn, toàn diện và triệt để, góp phần vào thắng lợi chung của quân và dân cả nước giành thắng lợi trong cuộc kháng chiến chống đế quốc Mỹ xâm lược, giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước, đưa nước ta bước vào kỷ nguyên mới - kỷ nguyên hòa bình, độc lập, thống nhất và đi lên chủ nghĩa xã hội.

Sau ngày giải phóng 30/4/1975, đơn vị hành chính của tỉnh bao gồm 07 đơn vị hành chính cấp huyện và thị xã, gồm:

1. Thị xã Trà Vinh có 07 xã, phường, 46 khóm, ấp; diện tích 5,13 km²
2. Huyện Châu Thành có 10 xã, 102 ấp; diện tích 465,8 km²
3. Huyện Càng Long có 09 xã, 95 ấp; diện tích 298 km²
4. Huyện Tiểu Cần có 06 xã, 68 ấp; diện tích 222,4 km²
5. Huyện Cầu Ngang có 12 xã, 128 ấp; diện tích 746,1 km²
6. Huyện Cầu Kè có 09 xã, 59 ấp; diện tích 235 km²
7. Huyện Trà Cú có 09 xã, 116 ấp; diện tích 366,5 km²

Tổng diện tích của tỉnh là 2.338,93 km², dân số 558.674 người (105.914 hộ), mật độ dân số chung là 238 người/km². Là tỉnh có đồng bào dân tộc, trong đó đồng bào Khmer khoảng 185.500 người (tỷ lệ 33,20%), đồng bào Hoa khoảng 14.900 người (tỷ lệ 2,66%), một số ít còn lại là người Ấn, người Chăm...

Về tôn giáo: có các tôn giáo chủ yếu sau: Phật giáo (Bắc tông và Nam tông) với 227.512 tín đồ, 205 cơ sở thờ tự; Công giáo 34.555 tín đồ, với 28 nhà thờ; Cao đài 24.381 tín đồ, với 23 thánh thất; Tịnh độ cư sĩ 3.688 tín đồ; Tin Lành 182 tín đồ; ngoài ra còn có khoảng 200 tín đồ của các tôn giáo khác như: Tứ Ân Hiếu Nghĩa, Hồi giáo, Phật giáo Hòa Hảo...

2. Thuận lợi, khó khăn

2.1. Thuận lợi

Tình hình thế giới sau chiến tranh Việt Nam, lực lượng so sánh có lợi cho cách mạng, có lợi cho sự phát triển mới trong cuộc đấu tranh của nhân dân thế giới vì hòa bình, độc lập dân tộc và tiến bộ xã hội. Sức mạnh và thế tiến công của ba dòng thác cách mạng¹ tăng lên gấp bội, tạo điều kiện cho nhiều dân tộc đẩy mạnh cuộc đấu tranh giành độc lập. Cuộc cách mạng khoa học - kỹ thuật đang phát triển nhanh chóng. Quan hệ về kinh tế và khoa học - kỹ thuật giữa các nước được mở rộng, mở ra khả năng cho đất nước ta tiếp thu, sử dụng những thành tựu khoa học và kỹ thuật tiên tiến vào xây dựng và phát triển đất nước.

Chiến thắng đế quốc Mỹ, nước ta giành được uy tín lớn và tình cảm sâu rộng của Nhân dân và chính phủ nhiều nước trên thế giới, tạo điều kiện thuận lợi trong việc tranh thủ sự giúp đỡ, hợp tác quốc tế trên các lĩnh vực.

Thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước mở ra khí thế cách mạng mới với niềm tự hào, phấn khởi và lòng tin của Đảng bộ và Nhân dân Trà Vinh đối với sự lãnh đạo của Trung ương Đảng và Chính phủ. Đó là tiền đề để Đảng bộ, quân và dân trong tỉnh phát huy tinh thần yêu nước, ý chí cách mạng kiên cường, tinh thần lao động cần cù, sáng tạo; cùng với tinh thần lạc quan, phấn khởi và niềm tự hào chiến thắng, vững vàng bước vào chặng đường mới.

Cán bộ, đảng viên và quần chúng phấn khởi đón mừng quê hương giải phóng. Những người do chiến tranh ly tán, được sự giúp đỡ của bộ

¹ Ba dòng thác cách mạng: Hệ thống các nước xã hội chủ nghĩa; phong trào giải phóng dân tộc và các nước độc lập dân tộc; phong trào đấu tranh của giai cấp công nhân và Nhân dân lao động ở các nước tư bản chủ nghĩa.

đội, chính quyền cách mạng đã nhanh chóng trở về xóm làng cũ gây dựng lại cuộc sống. Trong muôn vàn khó khăn, thiếu thốn, đồng bào giúp nhau xây dựng lại nhà cửa, khai hoang, phục hóa, khôi phục sản xuất. Hàng ngàn hecta ruộng, vườn của Nhân dân được bộ đội tình, huyện nhất là lực lượng công binh tiến hành tháo gỡ bom, mìn đưa vào sản xuất. Số ngũ quân, ngũ quyền sau khi học tập, cải tạo trở về gia đình sớm hòa nhập với đời sống cộng đồng, làm cho quần chúng thêm phấn khởi, tin tưởng vào chính sách của chính quyền cách mạng.

2.2. Khó khăn

Về kinh tế: Trong chiến tranh, địa bàn Trà Vinh là chiến trường ác liệt, đạn bom cày xới ruộng vườn, chất độc hóa học hủy hoại môi trường sống; lực lượng lao động bị phân tán; kỹ thuật sản xuất lạc hậu.

Trà Vinh có tiềm năng phong phú và đa dạng, nhưng cho đến trước ngày giải phóng, tiềm năng đó chỉ được khai thác ở mức độ hạn hẹp, đồng thời, lại bị chiến tranh tàn phá nghiêm trọng. Lĩnh vực sản xuất nông nghiệp trong vùng Mỹ - Ngụy kiểm soát, số địa chủ chỉ chiếm khoảng 01% dân số nhưng chiếm hữu những ruộng đất tốt, mới bước đầu áp dụng một số thành tựu khoa học - kỹ thuật vào sản xuất, còn phần lớn nông dân vẫn duy trì tập quán canh tác lạc hậu, trong đó 97% diện tích đất nông nghiệp là sản xuất 01 vụ lúa, năng suất thấp²; có khoảng 1.395 ha đất trồng hoa màu các loại như: bắp, rau, đậu phộng, khoai lang, khoai mì, mía, thuốc lá, dưa hấu, bí; ngoài ra còn có khoảng 456 ha đất trồng cây ăn trái các loại (*dừa, xoài, bưởi, cam, quýt, vú sữa, mít, sầu riêng...*). Do chiến tranh, diện tích đất bị bỏ hoang lên đến gần 4.000 ha và gần 9.000 ha đất chưa được khai phá. Chăn nuôi còn mang tính chất nghề phụ gia đình, đại đa số còn duy trì tập quán thả rông gia súc... Kỹ thuật đánh bắt và chế biến thủy hải sản còn rất thô sơ, nhỏ lẻ; nhiều ngư trường không được khai thác do trong chiến tranh những nơi này thuộc vùng tự do oanh kích của Mỹ - Ngụy.

Trong chiến tranh, phần lớn các ngành, nghề tiểu thủ công nghiệp của tỉnh bị mai một; sản xuất hàng hoá ở Trà Vinh tuy có nhưng ít về số

² Lúa thân nông khoảng 3,5 tấn/ha; lúa mùa sớm địa phương 1,8 tấn/ha; lúa lờ 1,9 tấn/ha và lúa mùa 1,9 tấn/ha.

lượng và chủng loại, thấp về chất lượng, chủ yếu tập trung vào các loại sản phẩm nông nghiệp ở dạng nguyên liệu thô hoặc sơ chế; toàn tỉnh chỉ có 158 nhà máy xay sát lúa; 12 nhà máy nước đá cây; 11 lò bánh mì; 03 nhà máy cưa xẻ gỗ; 02 lò tương; 06 trạm xăng dầu. Thương mại, dịch vụ bước đầu phát triển ở thị xã Trà Vinh và xâm nhập vào địa bàn nông thôn ở mức độ vừa; tư thương lấy nguồn hàng từ Sài Gòn và một số tỉnh về bằng đường sông, đường bộ.

Về hạ tầng giao thông, toàn tỉnh có 719 km đường liên tỉnh lộ và tỉnh lộ trong đó chỉ có liên tỉnh lộ 7A từ Trà Vinh đến địa giới tỉnh Vĩnh Long là được lát nhựa còn các liên tỉnh lộ và tỉnh lộ như:

+ Liên tỉnh lộ Bình Phú - Cổ Chiên đi thị xã Bến Tre bị phá hủy, cắt đứt nhiều đoạn, các cầu Dừa Đỏ, Bà Thê, Đập Hầm, Bắc Cổ Chiên đều bị sập, phương tiện giao thông không đi lại được trên tuyến đường này.

+ Tỉnh lộ 34 (từ thị xã Trà Vinh đến huyện lỵ Tiểu Cần), chủ yếu bằng đá cấp phối, nhiều đoạn bị sạt lở, xói mòn hàng chục năm nhưng chưa được sửa chữa.

+ Tỉnh lộ 35 (từ thị xã Trà Vinh đến huyện lỵ Cầu Ngang và Duyên Hải), có chiều dài gần 50 km, mới chỉ được lát nhựa gần 10 km, phần lớn lại bị hư hỏng nhiều, đoạn từ Cầu Ngang đi Duyên Hải xe ô tô không thể lưu thông.

+ Tỉnh lộ 36 (từ thị xã Trà Vinh đến Đôn Châu - Trà Cú), dài hơn 50 km, nhiều năm không được tu bổ, xe cộ lưu thông khó khăn, nhất là vào mùa mưa.

+ Tỉnh lộ 37 (từ huyện lỵ Tiểu Cần đến Cầu Kè), tỉnh lộ 39 (từ huyện lỵ Cầu Kè đi Vĩnh Long) có tổng chiều dài khoảng 45 km, bị hư hỏng trong chiến tranh, xe cộ lưu thông rất khó khăn.

Mạng lưới đường phố và hệ thống cống rãnh thoát nước trong nội ô thị xã Trà Vinh nhỏ hẹp, không được kết nối một cách liên hoàn, các tuyến đường thường bị ngập và ú đọng nước vào mùa mưa. Mạng lưới đường nông thôn hầu hết là đường mòn, quanh co, khúc khuỷu, lại bị chia cắt nhiều bởi sông, rạch.

Trong chiến tranh, tại Trà Vinh có hai sân bay hạng nhẹ (sân bay Phú Vinh tại tỉnh lỵ và sân bay Long Toàn). Sân bay Long Toàn chỉ hoạt động

được vài năm rồi ngưng hoạt động từ năm 1964, sân bay Phú Vinh ngưng hoạt động từ năm 1973.

Điện lực phục vụ cho sinh hoạt chỉ có ở tỉnh lỵ và một vài quận, nhưng chỉ phát vài giờ vào ban đêm; không có lưới điện nông thôn phục vụ cho sinh hoạt của nông dân, cho sản xuất nông nghiệp và chế biến nông thủy sản (trừ một số gia đình khá giả mua máy phát điện riêng cho gia đình).

Hạ tầng thông tin liên lạc, tại thị xã Trà Vinh, chỉ có mạng cáp treo bán kính không quá 2,5 km với một tổng đài từ thạch 50 số, một tổng đài công điện 100 số, với 127 điện thoại thuê bao, hai máy téletyp. Đài viễn thông - công cụ thông tin nhằm phục vụ bộ máy chiến tranh với thiết bị motorola, môtrans, Fm 5, TR 5-PRC 25 và HT1 cùng với thiết bị truyền dẫn vô tuyến Farimon liên lạc điện thoại đi ngoài tỉnh. Ở các huyện, mạng thông tin bưu điện dân sự chỉ sử dụng TR5 và PRC25 cùng với một bộ phận chấp nhận thư tín tại trung tâm huyện³.

Về cơ sở giáo dục, giáo dục mầm non chưa được tổ chức có hệ thống, chỉ tập trung ở vài địa điểm tại thị xã; cấp tiểu học có 230 trường, với hơn 55.000 học sinh; cấp trung học có 12 trường với số lượng học sinh chưa đến 10.000 em. Số người đi học chỉ chiếm khoảng gần 15% dân số; phần lớn con em người dân ở nông thôn không có điều kiện đến trường.

Về cơ sở y tế, cả tỉnh chỉ có 01 bệnh viện tuyến tỉnh đặt tại thị xã Trà Vinh. Ngoài bệnh viện tỉnh, có 05 bệnh xá - hộ sinh huyện, 10 tiểu bệnh xá - hộ sinh xã; 06 nhà hộ sinh xã; 50 trạm y tế; bác sĩ chỉ có 07 người.

Các phương tiện thông tin đại chúng ở Trà Vinh trước năm 1975 rất ít, chưa đáp ứng được nhu cầu tối thiểu về đời sống tinh thần của các tầng lớp nhân dân. Chiến tranh và sự thống trị của đế quốc đã để lại những vết thương nặng nề trong đời sống kinh tế - xã hội, nhiều hủ tục, tệ nạn xã hội sau chiến tranh vẫn còn tồn tại như mại dâm, ma túy, cờ bạc, mê tín dị đoan, đồng bóng, bói toán...

Trong chiến tranh, vùng giải phóng, vùng căn cứ kháng chiến và vùng tranh chấp là nơi sản xuất gặp nhiều khó khăn nhất vì sự càn quét,

³ Lịch sử truyền thống Bưu điện tỉnh Trà Vinh, trang 255.

bắn phá thường xuyên của Mỹ - Ngụy. Di hại của nó khá nặng nề kéo dài nhiều năm sau ngày giải phóng. Đó là những hố bom pháo, hầm chông, những miếng bom, mìn, những viên đạn M79 và những trái mìn, lựu đạn còn sót lại, những vòng rào, thép gai gài đủ các loại lựu đạn và nhất là vùng bị nhiễm chất độc hóa học...

Nói chung vào năm 1975, Trà Vinh là một trong những địa bàn có nền kinh tế kém phát triển. Đặc điểm đó còn đậm nét hơn ở những vùng sâu, vùng đồng bào dân tộc Khmer, vùng căn cứ kháng chiến.

Sau khi ngụy quân, ngụy quyền tan rã tại chỗ, số binh sĩ, hạ sĩ quan mà đa số xuất thân từ nhân dân lao động thoát khỏi chết chóc đã phần khởi, tự giác ra trình diện. Tuy nhiên, vẫn còn một số không nhỏ trong bộ máy địch ngoan cố lẫn trốn, tiếp tục chống phá cách mạng. Trong chiến tranh, nhiều vùng nông thôn của tỉnh, Nhân dân bị dồn vào các ấp "chiến lược", ấp "tân sinh" ruộng đất bị hoang hóa do pháo, đạn, bom, mìn, không sản xuất được, nên đời sống của Nhân dân rất nghèo khổ. Qua nhiều năm chiến tranh ác liệt chống thực dân, đế quốc, Nhân dân trong tỉnh phải chịu nhiều hy sinh, mất mát người và của, nhất là các vùng căn cứ của cách mạng như Cầu Ngang, Duyên Hải, Tiểu Cần, Cầu Kè, Càng Long... bị tàn phá nặng nề, xóm làng tiêu điều, nhiều gia đình ly tán.

Những khó khăn do hậu quả chiến tranh để lại không thể khắc phục trong một thời gian ngắn, nhưng Đảng bộ và Nhân dân Trà Vinh luôn tin tưởng vào tương lai trong công cuộc xây dựng lại quê hương đất nước. Khắc phục hậu quả chiến tranh sau năm 1975 là phải phát động một phong trào hành động cách mạng rộng lớn của quần chúng, là phải thực hiện hàng loạt biện pháp, nhằm:

- Giải quyết vấn đề ruộng đất ở nông thôn, sắp xếp việc làm cho những người thất nghiệp, tổ chức đời sống cho những người phiêu bạt mới trở về, điều chỉnh ruộng đất cho những nông dân thiếu ruộng và không có ruộng, ổn định tâm lý và đời sống cho hơn ba chục ngàn người từ trong quân đội và chính quyền Mỹ - Ngụy đầu hàng và tan rã tại chỗ. Khắc phục cảnh hoang hóa, đổ nát, điều tàn của nhiều vùng nông thôn qua hàng chục năm chiến tranh tàn khốc.

- Đưa ánh sáng văn hóa tiên tiến đến những vùng nông thôn, nhất là vùng nông thôn sâu, nơi còn tồn đọng những hủ tục sinh hoạt lạc hậu: bài trừ các tệ nạn xã hội như mại dâm, cướp giết, rượu chè, cờ bạc, đồng bóng, bói toán... Phát triển y tế, xây dựng nếp sống mới có vệ sinh, sinh đẻ có kế hoạch... kịp thời đào tạo đội ngũ cán bộ y tế làm cơ sở xây dựng mạng lưới y tế đến tận xã, ấp để chăm lo sức khỏe cho Nhân dân.

- Khắc phục tình trạng mất cân đối, quy mô nhỏ bé và thiếu đồng bộ trong hệ thống giáo dục phổ thông. Thu hẹp tỷ lệ mù chữ trong nông dân (trong chiến tranh, có tới 80% nông dân bị mù chữ). Điều chỉnh hệ thống giáo dục trong các cơ sở tôn giáo vào quỹ đạo và mục tiêu giáo dục - đào tạo của xã hội mới.

- Phát huy truyền thống tương trợ và đoàn kết dân tộc, khắc phục những hạn chế lịch sử của xã hội nông thôn lạc hậu do tình trạng chiến tranh loạn lạc, như: đầu óc tiểu nông, gia trưởng, tâm lý dân tộc hẹp hòi...

- Khắc phục nếp sinh hoạt, phong cách làm việc của một bộ phận cán bộ Đảng và chính quyền cách mạng chưa chuyển kịp cho phù hợp với yêu cầu mới của sự nghiệp cách mạng.

- Nêu cao tinh thần cảnh giác, kịp thời phát hiện, ngăn chặn, truy quét những phần tử phản động hoạt động chống phá cách mạng một cách ngầm ngấm hoặc công khai, đưa tin thất thiệt hoặc kích động bạo loạn.

Trong niềm vui chiến thắng của dân tộc, Đảng bộ tỉnh Trà Vinh tiếp tục thực hiện sứ mệnh lịch sử của mình, lãnh đạo quân và dân trong tỉnh phát huy chủ nghĩa anh hùng cách mạng, truyền thống đoàn kết, tự lực, tự cường, vượt qua khó khăn, thiếu thốn, thực hiện thắng lợi nhiệm vụ củng cố, xây dựng và bảo vệ Đảng, bảo vệ chính quyền cách mạng, khắc phục hậu quả chiến tranh, từng bước khôi phục sản xuất, xây dựng và phát triển kinh tế, cùng Nhân dân cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội.

II. CÙNG CỐ XÂY DỰNG TỔ CHỨC ĐẢNG, CHÍNH QUYỀN CÁCH MẠNG, ĐOÀN THỂ QUẢN CHỨNG

1. Cùng cố, tăng cường tổ chức Đảng

Sau ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng, nhiệm vụ cấp bách của Đảng bộ là nhanh chóng thành lập chính quyền cách mạng, xây dựng hệ thống chính trị nhằm đảm bảo sự lãnh đạo toàn diện của Đảng bộ trên

tất cả các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, quốc phòng, an ninh... trên địa bàn tỉnh. Ngay sau giải phóng tỉnh, chính quyền cơ sở ở các xã vùng mới giải phóng đã sớm được thành lập, nhưng các tổ chức đảng, đoàn thể chưa được củng cố, chưa phát huy được vai trò lãnh đạo của Đảng đối với chính quyền; có nơi chỉ bộ, cấp ủy bao biện, có nơi lại khoán trắng cho chính quyền xã. Các cấp ủy chưa tập trung chỉ đạo, quán triệt, giáo dục cho cán bộ, đảng viên nhận thức đúng vai trò lãnh đạo của Đảng sau khi giành được chính quyền. Thành phần nhân sự trong bộ máy chính quyền ở cơ sở xã, ấp, có một số chưa trong sạch về chính trị và một số phần tử cơ hội. Một số nơi còn nhiều lệch lạc trong điều hành làm ảnh hưởng nhất định trong đấu tranh làm trong sạch địa bàn, giải quyết đời sống Nhân dân và xây dựng, phát triển thực lực cách mạng.

Thời điểm này, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh có 21 đồng chí, do đồng chí Nguyễn Văn Chơi (còn có tên là Nguyễn Văn Tiết, bí danh Ba Trắng) là Bí thư Tỉnh ủy, đồng chí Dương Quang Danh (Năm Nhọn), đồng chí Nguyễn Trường Thọ (Năm Ròm) và đồng chí Sơn Thông (MaHa Sơn Thông, còn gọi là Mười Tăng) là Phó Bí thư Tỉnh ủy⁴. Toàn Đảng bộ có gần 6.000 đảng viên⁵. Đa số cán bộ, đảng viên của tỉnh đã trải qua cuộc chiến tranh giải phóng dân tộc, được rèn luyện, thử thách trong bom đạn, chịu đựng gian khổ, hy sinh, luôn vững vàng, có quyết tâm cao, gương mẫu chấp hành nhiệm vụ. Tuy nhiên, phần đông đảng viên của Đảng bộ là nông dân, trình độ học vấn thấp, chủ yếu trưởng thành trong chiến đấu, chưa có kinh nghiệm quản lý, điều hành xã hội trong thời bình. Bên cạnh, tỷ lệ đảng viên so với dân số rất thấp, đặc biệt ở nhiều xã, phường thuộc vùng kềm kẹp của ngụy quân, ngụy quyền số đảng viên rất ít thậm chí có nơi không có đảng viên.

Tiếp thu Nghị quyết Hội nghị lần thứ 24 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (ngày 29/9/1975) về “*Nhiệm vụ của cách mạng Việt Nam trong giai đoạn mới*”, Nghị quyết Hội nghị lần thứ 16 của Trung ương

⁴ Xem danh sách Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh tại Phụ lục 1.

⁵ Trong đó, Đảng bộ huyện Châu Thành có khoảng 500 đảng viên, huyện Cầu Kè có 330 đảng viên, huyện Cầu Ngang có 450 đảng viên, thị xã Trà Vinh có 226 đảng viên, huyện Trà Cú có 166 đảng viên. (*Dẫn theo Lịch sử Đảng bộ các huyện Châu Thành, Cầu Kè, Cầu Ngang, Trà Cú, Thị xã Trà Vinh...*)

Cục Quyết định chủ trương và những công tác cấp bách sau giải phóng hoàn toàn miền Nam (tháng 7/1975). Tỉnh ủy xác định xây dựng Đảng về chính trị, tư tưởng và tổ chức là nhiệm vụ trọng tâm. Thường vụ Tỉnh ủy đã làm thông suốt một bước trong Tỉnh ủy, cán bộ chủ chốt các ban, ngành về nhiệm vụ xây dựng chính quyền các cấp. Tỉnh ủy cùng các huyện ủy, thị ủy tổ chức tập huấn cho hàng ngàn lượt cán bộ tỉnh, huyện và lực lượng vũ trang, sau đó tổ chức số cán bộ này thành nhiều đoàn công tác xuống xã phối hợp với địa phương tham gia xây dựng chính quyền.

Tỉnh ủy chỉ đạo củng cố các chi bộ, đảng bộ cơ sở, nhất là vùng nông thôn mới giải phóng, thị trấn, thị xã. Nhanh chóng kiện toàn đội ngũ cấp ủy ở cơ sở, chấn chỉnh nền nếp, nội dung sinh hoạt. Công tác xây dựng tổ chức cơ sở đảng phải gắn liền với việc thực hiện nhiệm vụ chính trị, nâng cao ý thức tổ chức kỷ luật của đảng viên trên mọi lĩnh vực công tác. Qua sự chỉ đạo của Tỉnh ủy, đa số cán bộ, đảng viên của Đảng bộ đã có sự chuyển biến trong nhận thức tư tưởng, thấy rõ tình hình đất nước, tình hình địa phương sau giải phóng có nhiều thuận lợi, nhưng không ít khó khăn, phức tạp do chính sách phản động của địch để lại, nhận thức được nhiệm vụ của cách mạng xã hội chủ nghĩa, có sự chuyển biến về tư tưởng, tổ chức, lề lối làm việc, tác phong công tác. Một số cán bộ, đảng viên có biểu hiện tư tưởng tự mãn, lòng léo trong sinh hoạt, qua các đợt học tập phần lớn đã có chuyển biến, khắc phục tốt.

Sau giải phóng, đội ngũ cán bộ của tỉnh không đủ đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ của cách mạng. Để đáp ứng nhu cầu lớn về đội ngũ cán bộ cho việc thực hiện các nhiệm vụ trước mắt, tỉnh đã huy động, sử dụng cán bộ từ nhiều nguồn: Tuyển chọn số cán bộ kháng chiến tại chỗ, tiếp nhận cán bộ từ khu, từ các đơn vị, địa phương khác chuyển về và cán bộ là con em Trà Vinh đi tập kết ở miền Bắc trở về; đội ngũ cán bộ từ miền Bắc, chủ yếu từ tỉnh Thái Bình kết nghĩa, dưới dạng biệt phái hay tăng cường, nhất là đội ngũ cán bộ khoa học - kỹ thuật và giáo viên cấp III (nay là trung học phổ thông). Đồng thời, tổ chức các hoạt động của các đoàn thể quần chúng để phát động phong trào, tập hợp lực lượng, tập huấn công tác... thông qua đó mà phát hiện những nhân tố tích cực đưa đi bồi dưỡng, đào tạo cán bộ tại chỗ cho các cấp, các ngành. Tỉnh ủy kịp thời chỉ đạo trường Đảng tỉnh, các ngành tuyên huấn, công đoàn, phụ

nữ, thanh niên, giáo dục, thương nghiệp, công an, quân sự... mở các lớp đào tạo ngắn ngày, bồi dưỡng cho đối tượng cán bộ các ngành, các cấp. Đồng thời, đưa hàng trăm lượt cán bộ dự các lớp đào tạo, bồi dưỡng do Khu tổ chức, giải quyết cấp bách về đội ngũ cán bộ các ngành tỉnh, huyện. Đồng thời, thực hiện chủ trương của Tỉnh ủy, các ngành đã tập hợp một số lớn nhân viên khoa học - kỹ thuật trong các ngành của chế độ cũ như: y tế, giáo dục, điện, nước, bưu điện... lưu dụng họ trở lại làm việc. Đây là một vấn đề có ý nghĩa tích cực, thể hiện đúng đắn đường lối, chính sách của Đảng ta về hòa hợp dân tộc, phát huy mọi nguồn lực trong xã hội để thực hiện nhiệm vụ xây dựng, củng cố và bảo vệ chính quyền cách mạng, khắc phục hậu quả chiến tranh, từng bước khôi phục sản xuất, ổn định đời sống Nhân dân, được Đảng bộ và các cấp chính quyền của tỉnh vận dụng thực hiện mang lại hiệu quả tích cực, tạo sự yên tâm, phấn khởi của các tầng lớp nhân dân.

Đến cuối năm 1975, hình thành cơ bản các ban, ngành, đoàn thể như: Ban Tuyên giáo (Tuyên huấn và Khoa giáo), Ban Tổ chức, Ban Kiểm tra, Ban Dân vận Mặt trận, Trường Đảng, Tỉnh đoàn, Hội Nông dân, Hội Phụ nữ, Công đoàn; Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Ban An ninh nội chính, Viện Công tố, Tòa án, Ty Nông nghiệp, Ty Công nghiệp, Ty Lương thực, Ty Thương binh - Xã hội, Ty Xây dựng, Ty Giao thông - Vận tải, Ty Bưu điện, Ty Tài chính, Ty Thông tin - Văn hóa, Ty Giáo dục, Ty Y tế. Bộ máy ban, ngành được sắp xếp, bố trí cán bộ ổn định, bước đầu đã phát huy được chức năng, nhiệm vụ được giao.

Tỉnh ủy đã tập trung chỉ đạo bố trí cán bộ tiếp quản thị xã, thị trấn và các vùng nông thôn yếu trước đây. Ở những xã, ấp chưa có chi bộ, đảng viên, Tỉnh ủy chỉ đạo cấp ủy (huyện) cử cán bộ xuống xây dựng, tổ chức chính quyền, đoàn thể cách mạng gắn với nhiệm vụ truy quét tàn quân địch, giữ vững trật tự trị an, ổn định tình hình mọi mặt. Tuyên truyền, vận động quần chúng khôi phục sản xuất, ổn định đời sống, gắn với công tác củng cố, xây dựng Đảng, trước hết là củng cố, xây dựng chi bộ.

Các đoàn công tác của tỉnh xuống tận cơ sở tuyên truyền giáo dục, vận động quần chúng nâng cao tinh thần cảnh giác, tăng cường bảo vệ Đảng, bảo vệ lực lượng cách mạng. Quần chúng ở các địa bàn có nhiều phức tạp đã viết thư tố cáo, cung cấp tin tức cho chính quyền thanh lọc,

thải loại những phần tử xấu, không đủ tiêu chuẩn ra khỏi bộ máy, góp phần làm cho chính quyền áp, xã từng bước trong sạch vừa tránh được xáo trộn, vừa bồi dưỡng kịp thời những người cốt cán, nòng cốt trong quân chúng.

2. Củng cố, xây dựng chính quyền cách mạng

Ngay trong ngày đầu tiên giải phóng, lực lượng cách mạng đã nhanh chóng tiếp quản các cơ quan hành chính và quân sự của địch. Phân công, bố trí cán bộ quản lý, bảo vệ các công sở, doanh trại quân đội, kho tàng, các cơ sở sản xuất, nhà máy điện, cơ sở y tế, giáo dục... Thực hiện sự chỉ đạo của Khu ủy, Tỉnh ủy thành lập Ủy ban Quân quản tỉnh Trà Vinh, do đồng chí Dương Quang Danh (Năm Nhọn), Phó Bí thư Tỉnh ủy làm Chủ tịch; đồng chí Lê Tấn Đạt (Tư Thi) làm Phó Chủ tịch. Chế độ quân quản lúc bấy giờ được biểu hiện dưới một hình thức khá độc đáo, đó là sự hòa quyền giữa "*Quân quản và Nhân dân tự quản*", dưới sự lãnh đạo của Đảng, lực lượng vũ trang và cán bộ các ngành, các cấp chi tập trung quản lý những địa điểm xung yếu, vị trí quan trọng, còn ở các khu dân cư Nhân dân tự làm chủ, tự quản là chính. Ủy ban Quân quản có nhiệm vụ: (1) Tiếp quản nhanh chóng, an toàn toàn bộ các cơ quan đầu não, căn cứ quân sự; các cơ sở kinh tế của địch. (2) Nhanh chóng ổn định tình hình chính trị, trật tự, an toàn xã hội. (3) Khôi phục các cơ sở hạ tầng, đặc biệt là điện, nước ở các đô thị, thị trấn. (4) Triển khai công tác đăng ký trình diện đối với những sĩ quan, binh lính, công chức, giáo chức chính quyền Sài Gòn. (5) Xây dựng chính quyền các cấp, xây dựng hệ thống chính trị. (6) Ổn định sản xuất vùng giải phóng, cứu trợ cho đồng bào gặp khó khăn.

Ngay sau khi thành lập, Ủy ban Quân quản ra văn bản đầu tiên có tính pháp quy để quản lý xã hội, đó là Thông cáo số 1 "*Quy định việc giữ gìn trật tự trị an*". Thông cáo xác định giữ gìn trật tự an ninh, bảo vệ chính quyền cách mạng chính là nghĩa vụ của mỗi người dân, nhằm bảo vệ và phát huy thành quả cách mạng, bảo vệ tài sản của Nhân dân. Đồng thời, xác định nhiệm vụ cấp thiết là nhanh chóng ổn định trật tự trị an, ổn định sinh hoạt bình thường trong Nhân dân. Sau Thông cáo số 01, liên tục các thông cáo khác ra đời xác định nhiệm vụ cấp bách, trước mắt cần phải tổ chức thực hiện, đó là: Truy quét tàn quân ngụy ác ôn,

nguy hiểm, có nhiều nợ máu với cách mạng và Nhân dân, còn ngoan cố lẫn trốn không chịu ra trình diện. Nội dung các thông cáo gồm: quy định việc tiếp quản các cơ quan hành chính, kinh tế, xã hội. Quy định việc thu gom vũ khí, chất nổ, tài sản, tài liệu của địch để lại. Quy định việc ghi danh trình diện của nhân viên, công chức hành chính, sĩ quan, binh lính các binh chủng, đảng viên các đảng phái phản động. Quy định việc sử dụng giấy tờ tùy thân, khai báo về hộ khẩu. Quy định việc tham gia giao thông của các phương tiện giao thông thủy, bộ. Tuyên bố giải tán các tổ chức kim kẹp của địch. Quy định xây dựng cơ cấu tổ chức chính quyền cách mạng ở khóm, ấp, xã, phường; nghiêm cấm các hình thức cờ bạc; quy định hình thành các tổ chức quần chúng. Đồng thời, tổ chức tuyên truyền học tập bằng nhiều hình thức cho sĩ quan, binh lính chế độ cũ và Nhân dân về chính sách 10 điểm của Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam và các thông cáo của Ủy ban quân quản tỉnh. Tại thị xã Trà Vinh cũng như ở tất cả các huyện, chính quyền cách mạng đã kịp thời điều hành, phối hợp các lực lượng thực hiện vai trò quản lý xã hội, giải quyết một số công việc cấp bách ngay trong những ngày đầu giải phóng.

Ngay trong ngày 01/5/1975, chính quyền cách mạng đã chỉ đạo khôi phục lại việc cung cấp điện, nước (*túc này hệ thống điện chỉ có ở thị xã Trà Vinh và tại thị trấn một số huyện, trong đó có Cầu Ngang*) bảo đảm sinh hoạt bình thường cho Nhân dân và hoạt động của các cơ quan; vũ khí, xe cộ do địch bỏ rải rác khắp nơi được thu gom; cấp phát gạo cứu đói cho đồng bào, từng bước ổn định tình hình vùng mới giải phóng.

Ngày 05/5/1975, Ban Bí thư Trung ương Đảng ra Chỉ thị số 220-CT/TW về kế hoạch tổ chức ngày lễ trong cả nước mừng thắng lợi vĩ đại của dân tộc. Thực hiện chủ trương của Đảng và Nhà nước, ngày 07/5/1975, trong niềm phấn khởi chiến tranh kết thúc, hòa bình lập lại trên cả nước, dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Tỉnh ủy, Ủy ban Quân quản cùng Mặt trận Dân tộc giải phóng cùng Nhân dân và lực lượng vũ trang tổ chức cuộc mít tinh trọng thể tại sân bay Phú Vinh, thị xã Trà Vinh mừng miền Nam hoàn toàn giải phóng gắn với kỷ niệm Ngày Quốc tế Lao động 01/5, kỷ niệm 85 năm Ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh (19/5/1890 - 19/5/1975). Đến dự lễ có đồng chí Trần Văn Long (Mười Dài), đại diện Khu ủy Khu Tây Nam Bộ, đồng chí Nguyễn Văn Chơi

(Ba Trắng), Bí thư Tỉnh ủy, đồng chí Sơn Thông (Ma Ha Sơn Thông), Phó Bí thư Tỉnh ủy, các đồng chí trong Tỉnh ủy và Ủy ban Quân quản cùng trên 25.000 đồng bào Kinh, Khmer, Hoa... trong tỉnh đến dự. Đồng chí Dương Quang Danh (Năm Nhọn), Chủ tịch Ủy ban Quân quản đọc diễn văn nêu bật những thắng lợi có ý nghĩa lịch sử của quân, dân miền Nam và quân, dân Trà Vinh trong 21 năm đấu tranh kiên cường dưới lá cờ vẻ vang của Đảng và Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam, đặc biệt là thắng lợi to lớn trong chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử, giải phóng Trà Vinh cùng lúc với giải phóng Sài Gòn, góp phần giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước; đồng chí kêu gọi toàn thể cán bộ, chiến sĩ lực lượng vũ trang tăng cường đoàn kết, phát huy truyền thống chiến đấu ngoan cường, tinh thần tự lực, tự cường, quyết tâm giữ vững thành quả cách mạng; đồng chí cũng kêu gọi các tầng lớp nhân dân thực hiện tốt 10 chính sách của Chính phủ Cách mạng lâm thời miền Nam Việt Nam⁶, nỗ lực vượt qua những khó khăn, khắc phục hậu quả chiến tranh, nhanh chóng ổn định cuộc sống, đoàn kết xây dựng và bảo vệ vững chắc nền độc lập tự do của đất nước.



Lễ mừng chiến thắng được tổ chức tại sân bay Phú Vinh (thị xã Trà Vinh).

Ảnh: Sưu tầm

⁶ Mười chính sách đối với vùng mới giải phóng của Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hoà miền Nam Việt Nam công bố ngày 01/4/1975.



Lực lượng quần chúng diễu hành tại trung tâm thị xã Trà Vinh. Ảnh: Suru tâm

Sau lễ, là cuộc diễu hành quần chúng rầm rộ, sôi nổi từ khu vực làm lễ vào nội ô thị xã gồm các đoàn đại biểu đại diện cho lực lượng vũ trang, mặt trận, các đoàn thể, đại biểu công nhân, nông dân, trí thức, dân tộc, tôn giáo, học sinh...

Lễ mít tinh mừng thắng lợi là cuộc biểu dương lực lượng đầu tiên sau giải phóng của Nhân dân Trà Vinh dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ. Sự kiện lịch sử này tạo ra niềm hân hoan, phấn khởi của Nhân dân đối với chính quyền cách mạng.

Trong niềm vui chung của đất nước, tuyệt đại đa số Nhân dân trong tỉnh phấn khởi, hăng hái tham gia xây dựng và bảo vệ chính quyền cách mạng. Tuy nhiên, một bộ phận gia đình công chức, binh lính của chế độ cũ, giới công thương gia, chức sắc một số tôn giáo có tâm trạng nghe ngóng, chờ đợi chủ trương, chính sách cụ thể của chính quyền cách mạng đối với họ.

Để ổn định tình hình, Ủy ban Quân quản của các cấp phân công cán bộ phối hợp cùng Ủy ban Mặt trận Dân tộc giải phóng tỉnh và các đoàn thể Nông dân, Thanh niên, Phụ nữ thực hiện công tác tuyên truyền, vận động quần chúng, phổ biến 10 chính sách của Chính phủ Cách mạng lâm thời miền Nam Việt Nam "về chính sách đối với tù, hàng binh, nguy quân, nguy quyền", kêu gọi mọi tầng lớp nhân dân phát huy tinh thần

yêu nước, tự tôn dân tộc, tích cực tham gia các phong trào cách mạng tại địa phương. Đối với các tôn giáo, Ủy ban Quân quản cùng Ủy ban Mặt trận Dân tộc giải phóng tỉnh phổ biến rõ chính sách tự do tín ngưỡng của Đảng; kêu gọi chức sắc các tôn giáo trong tỉnh hãy thể hiện tấm lòng yêu nước, cùng đồng bào đoàn kết trong Mặt trận Dân tộc thống nhất, tham gia đóng góp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Thực hiện tinh thần Thông tri số 18/TT-75 của Trung ương cục nhằm: *"Tiếp tục phát huy thắng lợi, thực hiện cùng cố và hoàn thiện hệ thống chính quyền cách mạng vững chắc hơn, bảo đảm thêm một bước quyền làm chủ của Nhân dân, bảo đảm triển khai mọi mặt công tác, đưa tình hình ngày càng ổn định hơn"*. Đến tháng 8/1975, Tỉnh ủy đã chỉ đạo chuyển Ủy ban Quân quản tỉnh thành Ủy ban nhân dân cách mạng. Đồng chí Dương Quang Danh được phân công làm Chủ tịch Ủy ban nhân dân cách mạng tỉnh.

Ngày 29/9/1975, Hội nghị lần thứ 24 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa III) ban hành Nghị quyết 247-NQ/TW *"về nhiệm vụ của cách mạng Việt Nam trong giai đoạn mới"*. Nghị quyết chỉ rõ: *"Nhiệm vụ chiến lược của cách mạng nước ta trong giai đoạn mới là: Hoàn thành thống nhất nước nhà, đưa cả nước tiến nhanh, tiến mạnh, tiến vững chắc lên chủ nghĩa xã hội"*. Đối với miền Nam, Nghị quyết nêu 9 nhiệm vụ. Cụ thể:

(1) Xây dựng chính quyền cách mạng của Nhân dân ở các cấp là nhiệm vụ quan trọng hàng đầu. Chính quyền ở mỗi cấp thể hiện sự lãnh đạo của Đảng và quyền làm chủ tập thể của Nhân dân, phải đủ sức làm nhiệm vụ cải tạo xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội.

(2) Công tác trấn áp bọn phản cách mạng phải làm kiên quyết, chính xác và sách lược; kết hợp trấn áp với giáo dục, kết hợp bạo lực với các biện pháp chính trị, kinh tế, văn hóa và tư tưởng.

(3) Xóa bỏ giai cấp tư sản mại bản và các tàn dư của giai cấp địa chủ phong kiến.

(4) Khôi phục và phát triển sản xuất, giải quyết nạn thất nghiệp.

(5) Giải quyết các vấn đề lưu thông, tiền động, tài chính, ngân hàng, tiền tệ.

(6) Áp dụng các biện pháp tổ chức và quản lý kinh tế thích hợp, bảo đảm cho sản xuất phát triển, hxu thông thông suốt, các sinh hoạt kinh tế - xã hội đi vào nề nếp.

(7) Công tác văn hóa, giáo dục, y tế, xã hội.

(8) Đẩy mạnh phong trào cách mạng trong quần chúng.

(9) Tăng cường công tác xây dựng Đảng⁷.

Quán triệt Nghị quyết 247-NQ/TW của Trung ương, Tỉnh ủy ban hành kế hoạch, nêu các nhiệm vụ trọng tâm trong giai đoạn này là: *Xây dựng hệ thống chuyên chính vô sản; phát huy quyền làm chủ của Nhân dân lao động; củng cố quốc phòng, bảo vệ an ninh trật tự; ra sức khôi phục và phát triển sản xuất nông nghiệp, song song với phục hồi và phát triển công nghiệp nhẹ, tiểu thủ công nghiệp; phát triển văn hóa, giáo dục, y tế, cải thiện đời sống vật chất và tinh thần cho Nhân dân. Đẩy lùi, tiến tới xóa bỏ tàn dư văn hóa, tư tưởng nô dịch của địch, phát triển thực lực cách mạng, xây dựng củng cố đảng bộ, chấn chỉnh tác phong, lề lối làm việc theo yêu cầu của tình hình nhiệm vụ mới.* Tỉnh ủy triển khai Nghị quyết 247-NQ/TW của Trung ương (khóa III) và Kế hoạch của Tỉnh ủy đến cán bộ, đảng viên và các đoàn thể cách mạng. Sau một thời gian triển khai, quán triệt, đại bộ phận cán bộ, đảng viên và Nhân dân đã nâng cao nhận thức về tình hình, nhiệm vụ mới của cách mạng.

Đến cuối năm 1975, bộ máy chính quyền tỉnh, huyện đến cơ sở đã được xây dựng, củng cố một bước căn bản. Dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo của Tỉnh ủy, Ủy ban Quân quản (đến tháng 8/1975 là Ủy ban nhân dân cách mạng) đã hoàn thành vai trò thay mặt chính quyền thực hiện nhiệm vụ quản lý xã hội, xây dựng, củng cố chính quyền cách mạng, giữ vững và củng cố an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, ổn định đời sống Nhân dân trong thời gian gần một năm sau giải phóng. Chính quyền các cấp bước đầu đã nắm vững lề lối làm việc, mối quan hệ phối hợp các ngành, các cấp, các đoàn thể của tỉnh, huyện có nhiều tiến bộ; hoạt động của chính quyền cơ sở từng bước có sự chuyển biến tích cực, thể

⁷ Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*; trang 410, 411.

hiện được sự lãnh đạo của Đảng, quản lý của chính quyền. Qua những đợt phát động, quần chúng vùng mới giải phóng đã mạnh dạn tham gia đóng góp ý kiến xây dựng chính quyền, đoàn thể, cung cấp tin tức phục vụ và truy bắt những tên nguy hiểm ngoan cố lẩn trốn không ra trình diện, phá rã các tổ chức phản động vừa mới nhen nhóm; kịp thời phát hiện và căn bản đã thanh lọc, thải loại những phần tử xấu, cơ hội chui vào bộ máy chính quyền, ban ngành, đoàn thể, góp phần củng cố, xây dựng chính quyền, giữ vững an ninh chính trị, ổn định xã hội, đẩy mạnh sản xuất, đáp ứng một phần yêu cầu của quần chúng.

3. Củng cố mặt trận và các đoàn thể

Công tác củng cố, kiện toàn tổ chức cơ sở Đảng được thực hiện gắn liền với việc xây dựng, củng cố các tổ chức đoàn thể. Tỉnh ủy đã quan tâm lãnh đạo củng cố và phát huy vai trò của Mặt trận và các đoàn thể quần chúng, đặc biệt là vai trò của Mặt trận Dân tộc giải phóng. Mặt trận đã đoàn kết rộng rãi, huy động khả năng của các tầng lớp nhân dân yêu nước, đại đa số công nhân, nông dân lao động, trí thức và học sinh, sinh viên yêu nước đã tích cực đóng góp sức mình làm ổn định tình hình đời sống, khắc phục những khó khăn do hậu quả của chiến tranh để lại; thực hiện việc bảo quản, giữ gìn gần như nguyên vẹn các kho tàng, máy móc, thiết bị ở các cơ sở địch để lại như bệnh viện, trường học, nhà máy điện... Mặt trận Dân tộc giải phóng các cấp thực hiện chính sách đại đoàn kết, phối hợp chặt chẽ với các đoàn thể, các giới, xây dựng tình nhà ổn định; giúp đỡ, động viên mọi cá nhân làm tốt nghĩa vụ của mình với nỗ lực cao nhất, góp phần ổn định tình hình của tỉnh.

Ban Chấp hành Công đoàn của thị xã Trà Vinh được thành lập và kiện toàn, đồng chí Lâm Minh Quang làm Thư ký, sau đó thành lập Ban Chấp hành Công đoàn tỉnh. Công đoàn đã động viên đoàn viên công đoàn nêu cao tinh thần làm chủ tập thể, phấn đấu hoàn thành và hoàn thành vượt mức kế hoạch nhà nước, chăm lo quyền lợi của công nhân, viên chức, tăng cường trấn áp bọn phản động để giữ vững an ninh trật tự - an toàn xã hội; đấu tranh với những hiện tượng tiêu cực trong sản xuất và đời sống, phát huy sáng kiến, cải tiến lề lối làm việc. Kết quả là đã xây dựng được phong trào lao động mới, lao động có kỷ luật, có

kỹ thuật, có năng suất cao, gương mẫu trong hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch được giao⁸.

Nông dân trong tỉnh có tổ chức nông hội, những nông dân trụ cột trong chiến tranh và nông dân lao động tích cực được tuyên truyền vận động tham gia vào Hội Nông dân giải phóng, tham gia vào các đội vận đò công. Những người không có đất được phân chia đất qua phong trào “*nhường cơm sẻ áo*”; vận động, giúp đỡ các nông dân bị cường bức vào các vùng đô thị trước đây trở về quê cũ tham gia sản xuất nông nghiệp, giảm bớt nạn thất nghiệp, không có việc làm tại các thị xã, thị trấn.

Đoàn Thanh niên nhân dân cách mạng Hồ Chí Minh cùng Hội Liên hiệp Thanh niên giải phóng tăng cường công tác tuyên truyền vận động thanh niên công nhân, thanh niên nông thôn và học sinh tham gia vào tổ chức Đoàn, Hội, thành lập các câu lạc bộ thanh niên, thiếu nhi, tổ chức các đội xung kích tham gia tuần tra, canh gác, giữ gìn trật tự, truy quét tệ nạn xã hội, tham gia cứu đói; tổ chức sinh hoạt văn hóa lành mạnh ở các cơ quan, nhà máy, trường học, ở các xã, ấp...

Hội Phụ nữ đi sâu tuyên truyền, vận động chị em thấy rõ âm mưu của địch trong xã hội cũ, giúp chị em thoát khỏi những ràng buộc phong kiến, sự tự ti, mặc cảm của phụ nữ, tham gia lao động sản xuất, hoạt động xã hội, gánh vác việc nước. Hội vận động chị em phụ nữ có chồng, con em trong hàng ngũ ngũ nguy quân, nguy quyền tham gia học tập cải tạo để trở thành người công dân tốt, cùng góp công xây dựng đất nước. Ở thị xã, Hội phụ nữ kết hợp ngành y tế chữa trị bệnh cho số phụ nữ bị bệnh xã hội, ở nông thôn Hội hướng dẫn chị em vệ sinh phòng bệnh, lập các tổ giữ trẻ ở các tổ, đội vận đò công tạo thuận lợi cho chị em tham gia lao động sản xuất. Công tác vận động, kết nạp hội viên được chú trọng, đến cuối năm 1975 có khoảng 50% phụ nữ vào tổ chức Hội Phụ nữ giải phóng. Hệ thống tổ chức Hội được củng cố kiện toàn từ tỉnh đến, huyện, xã.

⁸ Liên đoàn Lao động tỉnh Trà Vinh: *Lịch sử Phong trào công nhân lao động và hoạt động công đoàn tỉnh Trà Vinh (1929 - 2005)*; Nhà xuất bản Chính trị quốc gia; Hà Nội năm 2008; trang 140.

Mặc dù đã đạt nhiều kết quả, nhưng công tác vận động quần chúng vẫn còn một số hạn chế: Một bộ phận quần chúng xuất hiện tư tưởng thiếu an tâm, phần khởi, băn khoăn lo lắng với cuộc sống hiện tại có nhiều khó khăn; ở vùng mới giải phóng, một số gia đình có người thân tham gia chế độ cũ có tâm trạng lo lắng; một bộ phận trí thức, viên chức chế độ cũ, một số công thương gia, chức sắc tôn giáo chưa thật sự tin vào chủ trương của Đảng, của chính quyền cách mạng nên ngại tham gia các phong trào hành động cách mạng ở địa phương; chưa mạnh dạn bỏ vốn để sản xuất - kinh doanh, lo bị quốc hữu hoá. Bên cạnh, đội ngũ cán bộ, đảng viên do trình độ, năng lực còn hạn chế nên trong xử lý công việc có mặt chưa thật sự thuyết phục Nhân dân; một số ít không gương mẫu, vi phạm chính sách của Đảng và Nhà nước làm ảnh hưởng đến niềm tin của quần chúng nhân dân.

III. TỪNG BƯỚC KHÁC PHỤC HẬU QUẢ CHIẾN TRANH, KHÔI PHỤC SẢN XUẤT, ỔN ĐỊNH ĐỜI SỐNG NHÂN DÂN

1. Khôi phục sản xuất, ổn định đời sống Nhân dân

Sau giải phóng, lực lượng cách mạng tiếp quản hầu như nguyên vẹn thị xã, các thị trấn, nhưng cơ sở vật chất của địch để lại phục vụ cho đời sống dân sinh rất nhỏ bé so với nhu cầu đời sống. Vùng giải phóng cũ, ruộng đất hoang hóa nhiều, dân cư thưa thớt; thiếu lao động và công cụ, vật tư sản xuất. Vùng mới được giải phóng, do thủ đoạn gom dân, bắt lính của địch, trong thị xã, các thị trấn hàng ngàn người thất nghiệp, không có việc làm, đời sống rất khó khăn. Yêu cầu cấp bách sau giải phóng là bảo vệ thành quả cách mạng, xây dựng chính quyền nhân dân, đẩy mạnh sản xuất, khôi phục và phát triển kinh tế, từng bước ổn định đời sống vật chất, tinh thần, văn hóa - xã hội của Nhân dân.

Thực hiện chủ trương của Tỉnh ủy và Ủy ban quân quản, công tác chăm lo đời sống và giải quyết việc làm cho Nhân dân được chính quyền và các đoàn thể chú trọng. Cùng với việc đẩy mạnh tuyên truyền vận động Nhân dân đoàn kết, cứu trợ, giải quyết việc thiếu đói, ốm đau... giúp đỡ các gia đình trở về quê cũ, phần lớn các gia đình trước đây bị địch tập trung vào các thị trấn, thị xã và ly tán sang các địa phương khác nay trở về quê cũ đều được cấp ủy, chính quyền, lực lượng vũ trang, các đoàn thể và Nhân dân ở địa phương tận tình giúp đỡ.

Trong muôn vàn khó khăn, thiếu thốn, với khát vọng đổi đời, Đảng bộ đã động viên quần, dân trong tình vượt qua khó khăn, khai hoang phục hóa, đẩy mạnh sản xuất, phục hồi kinh tế, trước mắt là sản xuất nông nghiệp, sản xuất cây lương thực, rau màu ngắn ngày.

Trở ngại lớn nhất đối với Nhân dân khi khai hoang sản xuất là bom mìn của địch còn nằm rải rác đây đó trên địa bàn. Tỉnh ủy, Ủy ban Quân quản chỉ đạo cho lực lượng vũ trang của tỉnh phối hợp với bộ đội chủ lực đứng chân trên địa bàn rà soát, tháo gỡ bom mìn, giải phóng đất đai cho nông dân sản xuất. Cán bộ, chiến sĩ lực lượng vũ trang làm nhiệm vụ tháo gỡ bom mìn không sợ nguy hiểm, hy sinh, quyết tâm hoàn thành nhiệm vụ được giao. Các đơn vị công binh của tỉnh đã tổ chức rà phá, tháo gỡ hàng chục vạn mìn trái, bom đạn của địch, giải phóng hàng ngàn hecta đất đai phục vụ nhu cầu xây cất nhà cửa, làm cầu cống, mở đường giao thông và đất sản xuất. Điển hình các địa phương chỉ đạo việc khai hoang phục hóa tốt là Cầu Ngang trong năm 1975 đã khai hoang gần 1.000 ha đất ở xã Mỹ Long, Hiệp Mỹ, Mỹ Hòa, Hiệp Hòa⁹; nhiều công trình thủy lợi được triển khai ở hầu hết các huyện trong tỉnh.

Ngày 10/9/1975, Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hoà miền Nam Việt Nam ra tuyên bố về một số chính sách khôi phục và phát triển công thương nghiệp, bãi trừ lũng đoạn, đầu cơ, phá rối thị trường của giai cấp tư sản mại bán. Thực hiện chủ trương này, Tỉnh ủy, Ủy ban quân quản chỉ đạo các cấp, các ngành làm tốt công tác tuyên truyền, phổ biến chính sách của Chính phủ cách mạng lâm thời nhằm động viên các tầng lớp nhân dân hăng hái tham gia khôi phục và phát triển sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp để giải quyết công ăn, việc làm và hàng hoá tiêu dùng cho Nhân dân, tích cực tham gia công tác cải tạo công thương nghiệp tư bản tư doanh. Ngay trong năm 1975, đã khôi phục và phát triển sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp để sản xuất hàng tiêu dùng như các xưởng cưa xẻ gỗ, nhà máy xay xát lúa gạo, nhà máy sản xuất nước đá, các xưởng cơ khí sản xuất công cụ phục vụ cho nông nghiệp, cơ sở sản xuất trà, bánh kẹo... Kết quả đạt được trong sản xuất công

⁹ Huyện ủy Cầu Ngang: *Lịch sử Đảng bộ và Nhân dân huyện Cầu Ngang (1975 - 2010)*; xuất bản năm 2015, trang 43.

nghiệp, tiểu thủ công nghiệp đã kịp thời khắc phục một bước tình trạng khan hiếm hàng hoá trong tỉnh sau chiến tranh, đồng thời đáp ứng một phần nhu cầu tiêu dùng của Nhân dân và phục vụ sản xuất. Tuy nhiên, do thiếu nhiên liệu, nguyên vật liệu nên một số cơ sở phải đóng cửa, ngưng hoạt động. Trước tình hình trên, tỉnh đã chỉ đạo các địa phương tháo gỡ các khó khăn cho các cơ sở sản xuất, nắm chắc từng ngành nghề, cơ sở tư doanh, từng bước hình thành các tổ hợp tác theo ngành nghề, lĩnh vực sản xuất kinh doanh. Đến cuối năm 1975, tình hình sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp dần dần được khôi phục.

Trên lĩnh vực thương nghiệp, tỉnh chỉ đạo các địa phương đánh giá hiện trạng mạng lưới buôn bán của tư thương trên địa bàn, đặc biệt là tại thị xã Trà Vinh và các thị trấn ở các huyện. Để giải quyết bình ổn giá, bảo đảm lưu thông phân phối, ngành thương nghiệp của tỉnh đã tổ chức mạng lưới thương nghiệp quốc doanh từ tỉnh (công ty cấp 02) tới huyện (công ty cấp 03) và hệ thống cửa hàng mua bán, sau đó là hợp tác xã mua bán ở các xã, phường. Tổ chức thu mua nguồn hàng tại chỗ kết hợp hàng hoá của trên đưa về, luân chuyển hàng hóa phục vụ nhu cầu sản xuất và tiêu dùng.

Hơn hai tháng sau ngày miền Nam giải phóng, Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hoà miền Nam Việt Nam đã ban hành các chính sách thuế mới nhằm động viên sự đóng góp công bằng, hợp lý của các tầng lớp nhân dân và sự nghiệp xây dựng đất nước. Nhiều khoản thuế do chế độ cũ đặt ra được bãi bỏ, thay thế bằng một số chính sách thuế mới, khuyến khích Nhân dân phát triển sản xuất và đóng góp một phần nghĩa vụ đối với Nhà nước. Thực hiện chính sách thuế mới, các ngành, các huyện, thị xã trong tỉnh tiến hành lập bộ thuế, triển khai công tác thu thuế nông nghiệp và công, thương nghiệp.

Thực hiện nhiệm vụ được nêu trong Nghị quyết 247-NQ/TW của Trung ương *"Phải xóa bỏ tư sản mại bán bằng cách quốc hữu hóa cơ sở kinh tế của họ, biến thành sở hữu toàn dân do Nhà nước quản lý. Đối với tư sản dân tộc, thực hiện cải tạo xã hội chủ nghĩa bằng hình thức công tư hợp doanh, bắt đầu từ những cơ sở sản xuất và kinh doanh quan trọng... Đối với thương nghiệp nhỏ, cần tích cực cải tạo xã hội chủ nghĩa bằng cách tổ chức đăng ký kinh doanh, có chính sách thuế và*

chế độ kiểm kê, kiểm soát, chuyển phần lớn tiểu thương sang sản xuất, lựa chọn để sử dụng một số người làm đại lý kinh tiêu”¹⁰.

Thực hiện Nghị quyết của Trung ương, Trung ương Cục miền Nam chỉ đạo việc cải tạo tư sản mại bản, lấy tên là “Chiến dịch X2”. Chiến dịch tiến hành hai đợt: đợt 1 từ 10/9 đến 20/9/1975, đợt 2 từ 10/10 đến 30/10/1975 diễn ra ở thị xã, thị trấn - nơi có nhiều nhà công thương nghiệp tư nhân lớn. Đối tượng chính trong đợt cải tạo là tư sản mại bản có quan hệ kinh tế, chính trị với nước ngoài. Chấp hành sự chỉ đạo và hướng dẫn của Trung ương Cục miền Nam, Tỉnh ủy, chính quyền cách mạng đã lập Ban chỉ huy Chiến dịch và các đội công tác gồm nhiều cán bộ, chiến sĩ tham gia điều tra nắm đối tượng, mục tiêu, cơ sở, tài sản... tổ chức học tập, phát động trong cán bộ, đảng viên và quần chúng nhân dân.

Trên cơ sở đó, Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh đã chỉ đạo chiến dịch sát với tình hình của địa phương như: Đối với tư sản, tư doanh lớn có câu kết với chế độ ngụy quyền trước đây và số địa chủ phản động, chúng ta quyết định tịch thu, quản lý tài sản (nhà cửa, đất đai...); đối với doanh nghiệp mua bán vàng bạc, đá quý thì thực hiện việc kiểm kê, quản lý; hộ kinh doanh khách sạn được quản lý theo chính sách của Nhà nước; các hộ tiểu thương, buôn bán nhỏ cũng được phân loại, sắp xếp và quản lý; chính quyền cách mạng cũng quản lý đối với nhà cửa, tài sản của những hộ vượt biên... Qua thực hiện, ở Trà Vinh thời điểm này không có tư sản mại bản, không có tư sản có vốn lớn và câu kết với đế quốc Mỹ, chỉ có hơn chục tư sản nhỏ buôn bán xăng dầu, tiệm vàng, cơ khí máy móc, cửa xẻ gỗ, ghe vận tải, ghe đò, kinh doanh khách sạn, nhà trọ...

Chiến dịch X2 triển khai trên địa bàn tỉnh được Nhân dân đồng tình. Tuy nhiên, một số tiểu thương biết mình không phải là đối tượng của chiến dịch X2, nhưng vẫn tỏ ra lo lắng, không yên tâm làm ăn. Lợi dụng tình hình này, bọn phản động tung tin thất thiệt, gây xấu trong dư luận xã hội, làm cho thị trường gặp nhiều khó khăn. Sau cải tạo, nhà nước định giá lúc đầu chưa phù hợp với thực tế, nên giá lương thực,

¹⁰ Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*; Nhà xuất bản Chính trị quốc gia; Hà Nội năm 2004; trang 408.

thực phẩm, nhu yếu phẩm cao hơn giá thị trường, dẫn đến xảy ra sự biến động giá cả. Sau đó, được Nhà nước chấn chỉnh lại nên giá cả nhu yếu phẩm do Nhà nước thống nhất quản lý dần ổn định. Để Nhân dân hiểu đúng chủ trương, chính sách của cách mạng, Tỉnh đã chỉ đạo đầy mạnh công tác tuyên truyền, đồng thời tổ chức gặp gỡ với giới công thương gia, trí thức, chức sắc các tôn giáo ở địa phương, làm rõ ý nghĩa thắng lợi vĩ đại của cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước; quyền làm chủ quê hương, đất nước của người dân không kể giàu nghèo, tôn giáo, dân tộc; lợi ích kinh tế xã hội của việc nhà nước cải tạo cách làm ăn của tư sản mại bản... qua đó giúp cho họ hiểu thêm về chính sách của cách mạng, nhận thức được thấy chủ trương chính sách của cách mạng là đúng, đáp ứng nhu cầu cuộc sống của Nhân dân từ đó mà đồng tình, ủng hộ.

Sau ngày 30/4/1975, chính quyền cách mạng tiếp quản Ngân hàng Quốc gia của ngụy quyền Sài Gòn và cho tiếp tục lưu hành đồng tiền của chế độ cũ. Ngày 06/6/1975, Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam ban hành Nghị định số 04/PCT-75 *Về thành lập Ngân hàng Quốc gia Việt Nam*. Nhằm từng bước khắc phục tình trạng mất cân đối và lệ thuộc vào nước ngoài và tạo điều kiện cho Nhân dân trao đổi, mua bán trên thị trường, ngày 22/9/1975, thực hiện chủ trương của trên, tỉnh tập trung chỉ đạo cấp ủy, chính quyền các cấp tiến hành công tác thu đổi tiền thống nhất giữa tiền của Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam và tiền của chế độ Sài Gòn. Quá trình chỉ đạo đổi tiền hoàn toàn bí mật: Ban Chỉ huy thu đổi tiền các cấp được thành lập, tổ chức và huy động lực lượng ra quân trong chiến dịch, tổ chức hệ thống bàn đổi tiền gồm bàn thường, bàn trung tâm và bàn vắng lai. Quy định tiền đổi như sau: 500 đồng tiền chính quyền Sài Gòn đổi được 01 đồng tiền Ngân hàng Việt Nam, mỗi hộ gia đình chỉ được đổi trước 200 đồng tiền mới trong ngày, số tiền còn lại gói ngân hàng, sẽ cho rút dần. Tiền thu đổi được do Ngân hàng Nhà nước chịu trách nhiệm bảo quản và cấp phát. Chiến dịch đổi tiền ở Trà Vinh hoàn tất tốt đẹp. Tuy nhiên sau đổi tiền, số tiền lưu thông trên thị trường khan hiếm, làm cho giá cả hàng hóa tăng vọt, đời sống của Nhân dân gặp khó khăn.

2. Văn hóa - xã hội

Cùng với nhiệm vụ xây dựng, củng cố chính quyền, khắc phục hậu quả chiến tranh, khôi phục, phát triển sản xuất, công tác văn hóa, văn nghệ, giáo dục, y tế, đã được Đảng bộ tập trung lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện từ tỉnh đến cơ sở.

Tùng huyện, thị xã đã tiến hành phát động phong trào quần chúng bài trừ văn hóa đồi trụy, phản động, xây dựng đời sống văn hóa mới. Chỉ trong 6 tháng đầu sau giải phóng, tỉnh đã tổ chức các lớp huấn luyện cho trên 100 cán bộ làm công tác thông tin - văn hóa xã. Các đoàn thể thanh niên, phụ nữ, học sinh, thiếu nhi... hăng hái tham gia vận động bài trừ văn hóa, văn nghệ đồi trụy, phản động. Nhiều hoạt động văn hóa, văn nghệ, chiếu phim, triển lãm, cổ động, phát hành sách, báo cách mạng, các hoạt động thể thao được tổ chức thu hút đông đảo quần chúng tham gia, đã đưa chủ trương, chính sách của Đảng đến quần chúng nhân dân, hiểu rõ sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng và Bác Hồ trong sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc; đồng thời tạo ra bầu không khí vui tươi, phấn khởi trong các tầng lớp nhân dân. Các tệ nạn của chế độ cũ như người đi lang thang, xi ke, ma túy, cờ bạc, mại dâm... dần dần được khắc phục.

Thực hiện Chỉ thị số 221-CT/TW ngày 17/6/1975 của Ban Bí thư Trung ương Đảng "về công tác giáo dục ở miền Nam sau ngày giải phóng", nhiệm vụ trọng tâm của giáo dục tỉnh nhà là: (1) Xóa bỏ tàn dư của nền giáo dục cũ. (2) Thực hiện xóa mù chữ cho Nhân dân trong độ tuổi từ 12 - 50. Tỉnh đã chỉ đạo ngành giáo dục tiếp quản hệ thống giáo dục cũ, công lập hóa toàn bộ trường tư; tiến hành mở lớp bồi dưỡng chính trị về lập trường, quan điểm và nghiệp vụ cho số giáo viên chế độ cũ được huy động; tổ chức đào tạo giáo viên cấp tốc; đồng thời tiếp nhận số giáo viên được điều động từ miền Bắc vào tăng cường cho ngành giáo dục của tỉnh; thay sách giáo khoa mới; đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, nhà trường ở những nơi không có trường lớp, đẩy mạnh công tác xóa mù chữ và bổ túc văn hoá.

Ngày 15/10/1975, năm học đầu tiên được tổ chức trọng thể ở cả 3 cấp học, cấp I, cấp II và cấp III¹¹. Kết quả khai giảng năm học 1975 -

¹¹ Nay là Tiểu học, Trung học cơ sở và Trung học phổ thông.

1976, đã thể hiện tính ưu việt của chế độ mới, sự tập trung chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền các cấp, sự phối hợp chặt chẽ của các ngành, các cấp, sự đóng góp tích cực của các tầng lớp nhân dân. Hệ thống giáo dục phổ thông vẫn giữ hệ 12 năm nhưng chương trình và sách giáo khoa được thay thế theo chương trình giáo dục của chính quyền cách mạng, có những nội dung thống nhất trong cả nước. Chương trình giáo dục phổ thông theo hướng toàn diện: Trí - Đức - Thể - Mỹ; học đi đôi với hành, tạo điều kiện cho giáo viên và học sinh tham gia công tác xã hội và lao động xã hội chủ nghĩa ở địa phương.

Cùng với giáo dục phổ thông, tinh chỉ đạo việc tổ chức các lớp xóa mù chữ và bổ túc văn hóa ở các huyện, thị xã xuống tận xã, ấp. Ban công tác xóa mù chữ ở các huyện, xã được thành lập và tiến hành điều tra, thống kê trình độ văn hóa của Nhân dân trong tỉnh, trên cơ sở đó tổ chức các lớp xóa mù chữ và bổ túc văn hóa.

Ngành y tế đã khôi phục lại công tác khám, chữa bệnh cho Nhân dân ở bệnh viện tỉnh và các huyện ngay từ những ngày đầu tiếp quản. Công tác vệ sinh phòng dịch được tuyên truyền và thực hiện rộng rãi trong Nhân dân. Đến cuối năm 1975, hầu hết các xã trong tỉnh có trạm y tế, bảo đảm khám, chữa bệnh thông thường cho Nhân dân. Ngành y tế của tỉnh và các huyện thường xuyên cử cán bộ chuyên môn xuống các xã, thực hiện những đợt khám bệnh, vận động Nhân dân thực hiện "3 sạch" gồm: Ăn sạch, uống sạch, ở sạch, hướng dẫn Nhân dân ăn chín, uống sôi, ngủ màn, vệ sinh nơi ăn, ở... góp phần ngăn chặn các ổ dịch bệnh sốt rét, bệnh sốt xuất huyết, bảo vệ sức khỏe ban đầu cho Nhân dân.

Trong hai cuộc kháng chiến chống xâm lược, đã có hàng chục ngàn cán bộ, chiến sĩ của tỉnh cũng như các đơn vị của trên chiến đấu trên địa bàn của tỉnh hy sinh, bị thương tật. Sau ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng, Tỉnh ủy đã chỉ đạo thực hiện công tác chính sách cho thương binh, gia đình liệt sĩ, người có công với cách mạng. Cán bộ, chiến sĩ các đơn vị lực lượng vũ trang của tỉnh cùng lực lượng ở trên và Nhân dân tổ chức tìm kiếm, cất bốc, quy tập hàng ngàn hài cốt liệt sĩ nằm rải rác đưa về nghĩa trang liệt sĩ tỉnh, huyện; khâm trương, tích cực lập hồ sơ đề nghị công nhận thương binh, gia đình liệt sĩ, người có công với cách mạng, kịp thời chi trả các chế độ, chính sách theo quy định.

Dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo của Tỉnh ủy, Ủy ban quân quản, chỉ trong một thời gian ngắn, kết hợp cải tạo với xây dựng, các cấp, các ngành đã huy động mọi lực lượng, mọi tầng lớp nhân dân tham gia khắc phục hậu quả chiến tranh; xây dựng và bảo vệ chính quyền cách mạng; giải quyết căn bản công tác phân loại, tổ chức giáo dục cho hàng chục ngàn binh lính, hạ sĩ quan ngụy quân, viên chức ngụy quyền và tạo điều kiện cho họ trở về hòa nhập vào cuộc sống cộng đồng. Hệ thống bộ máy chính quyền từ tỉnh đến cơ sở được tổ chức và xây dựng hoạt động từng bước phát huy được hiệu lực, đông viên được sức mạnh đoàn kết, tinh thần yêu nước của Nhân dân trong tình bước vào công cuộc xây dựng phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội và bảo vệ Tổ quốc trong chặng đường mới.

3. Xây dựng, củng cố lực lượng vũ trang; đảm bảo an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội

Công tác xây dựng lực lượng vũ trang và an ninh của tỉnh ngày càng vững mạnh, nâng cao sức chiến đấu là một trong những nhiệm vụ quan trọng được Tỉnh ủy và Ủy ban quân quản (Ủy ban nhân dân) tỉnh đặc biệt quan tâm.

Ngay trong chiều ngày 30/4/1975, Ban An ninh tỉnh, Ban An ninh các huyện - thị xã và Ban An ninh các xã - huyện lỵ trên địa bàn tỉnh Trà Vinh, theo sự chỉ đạo của Tỉnh ủy và các cấp ủy Đảng đã nhanh chóng rời căn cứ, di chuyển vào nội ô tiếp nhận sự đầu hàng và tiếp quản cơ sở vật chất, vũ khí và trang thiết bị của an ninh, cảnh sát quốc gia, cảnh sát dã chiến ngụy quyền. Đồng thời, triển khai lực lượng phối hợp với lực lượng quân sự, lực lượng thanh niên xung kích đảm bảo an ninh trật tự vùng mới giải phóng.

Ban An ninh tỉnh Trà Vinh, thời điểm mới giải phóng do đồng chí Bí thư Tỉnh ủy Nguyễn Văn Chơí trực tiếp làm Trưởng ban và 01 đồng chí Tỉnh ủy viên làm Phó Trưởng ban Thường trực. Ở cấp huyện, thị xã và cấp xã, huyện lỵ, Ban An ninh do 01 đồng chí Ủy viên Thường vụ cấp ủy làm Trưởng ban. Ban An ninh tỉnh có 05 Tiểu ban¹² và 01 Đại

¹² Gồm: Văn phòng, Bảo vệ chính trị, Diệt báo, Trật tự trị an, Chấp pháp, Hậu cần

đội An ninh vũ trang. Ban An ninh cấp huyện có 03 Tiểu Ban¹³ và 01 Trung đội An ninh vũ trang. Ban An ninh cấp xã có 02 hoặc 03 đồng chí chỉ huy và 01 tổ hoặc tiểu đội An ninh. Ở ấp, có 01 đồng chí phụ trách công tác an ninh.

Tuy đã được thành lập từ trong kháng chiến, nhưng lực lượng an ninh thời điểm sau giải phóng không đồng đều về số lượng và chất lượng giữa vùng nông thôn với đô thị, giữa vùng căn cứ giải phóng với vùng địch tạm chiếm, vùng dân tộc và tôn giáo. Để đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới, Ban An ninh tỉnh tham mưu với Tỉnh ủy chỉ đạo điều động một số cán bộ an ninh từ các địa phương mạnh sang địa phương yếu; điều động một số cán bộ, chiến sĩ các đơn vị địa phương quân tỉnh và huyện; thu nhận một số thanh niên thuộc gia đình có truyền thống cách mạng, có năng lực công tác vào ngành an ninh.

Trong tháng 5/1975, theo chỉ đạo của Tỉnh ủy, Ban An ninh Trà Vinh đã rút 43 cán bộ, đảng viên từ các Tiểu ban và các Ban An ninh huyện, thị xã về hình thành 02 đoàn cán bộ tăng cường cho Ban An ninh Sài Gòn - Gia Định và Ban An ninh Long - Châu - Hà (*Long Xuyên - Châu Đốc - Hà Tiên nay là tỉnh An Giang và một phần tỉnh Kiên Giang*). Đồng thời, Tỉnh ủy cũng tuyển chọn hơn 20 cán bộ an ninh chuyển sang làm cán bộ chủ chốt để thành lập các ngành trong khối Nội chính, bảo vệ pháp luật như Ban Bảo vệ chính trị nội bộ của Đảng, Tòa án, Viện Công tố, Tư pháp...

Tháng 6/1975, Ban An ninh tỉnh thành lập Trại Giáo dục cải tạo tỉnh đóng tại Bến Giá (xã Long Hữu, huyện Cầu Ngang) trên cơ sở Trại giam thuộc Tiểu ban Chấp pháp - Trại giam - Hậu cần trước đây. Ban An ninh các huyện, thị xã cũng thành lập Ban Quản huấn và Trại Cải tạo, sẵn sàng tiếp nhận giáo dục cải tạo các đối tượng thuộc thẩm quyền.

Thực hiện Chỉ thị 218-CT/TW và 219-CT/TW, ngày 19/4/1975 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về *"Chính sách đối với tù hàng binh, nguy quân, nguy quyền và công tác đấu tranh chống phản cách mạng, thiết lập trật tự ở vùng mới giải phóng"*, cũng như chính sách 10 điểm

¹³ Gồm: Văn phòng, Bảo vệ chính trị - Diệt báo, Trật tự - Hậu cần.

của Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hoà miền Nam Việt Nam, Ủy ban Quân quản của tỉnh đã sử dụng đội ngũ cán bộ các ban, ngành, đoàn thể của tỉnh và các huyện cùng với sự hỗ trợ của lực lượng vũ trang, kết hợp quân chúng kêu gọi sĩ quan, hạ sĩ quan, binh lính ngụy quân, viên chức ngụy quyền ra trình diện chính quyền cách mạng. Đây là một công việc phức tạp, khó khăn, nhưng với sự giúp đỡ của Nhân dân, chỉ trong một thời gian ngắn, ta đã tổ chức giải quyết căn bản công tác phân loại, tổ chức học tập, giáo dục, tạo điều kiện cho hàng chục ngàn binh lính, hạ sĩ quan, ngụy quân, viên chức ngụy quyền trở về với gia đình hòa nhập cuộc sống cộng đồng.

Ngày 16/6/1975, Thường vụ Khu ủy ra Chỉ thị số 01/CT-T75 về *"Đẩy mạnh hơn nữa chiến dịch truy lùng, cải tạo tàn quân địch, đảm bảo an ninh trật tự ở các vùng thành thị, nông thôn mới giải phóng, kết hợp giải quyết tốt một số nhiệm vụ công tác trước mắt"*. Trên cơ sở đó, Ủy ban Quân quản tỉnh Trà Vinh ra Thông cáo số 30/TC/75 ngày 20/6/1975 về việc tập trung, cải tạo sĩ quan, hạ sĩ quan, binh lính và nhân viên quân đội ngụy, tinh báo, cảnh sát, ngụy quyền và đảng viên các đảng phái chính trị phản động ra trình diện, đăng ký¹⁴ Ban An ninh tỉnh đã phối hợp với Tỉnh đội đưa các đơn vị địa phương quân, An ninh vũ trang về đóng quân tại các địa bàn trọng điểm và tổ chức tuần tra, canh gác sẵn sàng trấn áp bọn phản cách mạng, giữ gìn an ninh trật tự. Ban An ninh tỉnh chỉ đạo Ban An ninh các cấp đóng vai trò nòng cốt, chủ động trong việc kêu gọi và tổ chức cho số ngụy quân, ngụy quyền, đảng phái phản động ra đăng ký trình diện. Số binh lính có cấp bậc hạ sĩ trở xuống, sau 3 - 4 ngày học tập về âm mưu, thủ đoạn của đế quốc Mỹ trong cuộc chiến tranh xâm lược miền Nam, về truyền thống cách mạng, ý nghĩa thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ, về chính sách hòa hợp, hòa giải dân tộc, hầu hết đều được cấp giấy chứng nhận học tập cải tạo và giấy công nhận quyền công dân. Số sĩ quan chế độ cũ từ thiếu úy trở lên được chuyển về Khu để học tập, cải tạo tập trung theo

¹⁴ Sau ngày 30/4/1975, số ngụy quân, ngụy quyền, các đảng phái phản động cũ tan rã tại chỗ trên địa bàn tỉnh là 27.795 đối tượng; số ra trình diện học tập cải tạo ngắn hạn là 26.631 đối tượng.

chính sách của chính quyền cách mạng. Đối với các công chức, viên chức của chế độ cũ, nhất là ở các ngành kinh tế (ngân hàng, giao thông, bưu điện, điện...) hoặc y tế, giáo dục tất cả đều được Ủy ban Quân quản kêu gọi ra đăng ký, làm việc sau một đợt học tập chính trị ngắn hạn từ 02 - 03 ngày.

Trong tháng 6/1975, Ban An ninh Trà Vinh đã hoàn thành hồ sơ để Tòa án Nhân dân Cách mạng tỉnh lập phiên tòa đặc biệt xét xử và tuyên bản án tử hình đối với tên đại úy Kiêu - Trưởng Phòng Hành quân tiểu khu và tên trung sĩ Phúc - Trưởng đồn Cầu Sắt (xã An Trường, Càng Long) có nhiều nợ máu với Nhân dân¹⁵.

Ban An ninh tỉnh chỉ đạo Ban An ninh các huyện, thị xã tăng cường công tác xây dựng mạng lưới cơ sở mật, cơ sở rộng rãi trong quần chúng nhân dân; đồng thời, phát động phong trào quần chúng tố giác bọn phản động, ngoan cố không ra trình diện, học tập cải tạo. Qua đó, Ban An ninh các cấp đã phát hiện một số tên ác ôn, có nhiều nợ máu và ngoan cố đã trốn tránh không ra trình diện hoặc lợi dụng trong lúc tình hình chưa ổn định đã bỏ trốn đi nơi khác nhưng cũng có tên từ nơi khác trốn về địa phương cùng bọn tại chỗ trà trộn trong dân, cất giấu vũ khí, nhen nhóm lực lượng chờ thời cơ chống phá cách mạng. Tại Cầu Ngang, một nhóm tụ tập tại Vịnh Chùa (xã Long Sơn); 02 tên trốn xuống rừng Vạc (xã Vinh Kim); một nhóm rút xuống cánh đồng Năng Non (xã Hiệp Hòa), giáp với huyện Châu Thành; tại Ngũ Lạc, một tên trà trộn hoạt động ở khu vực Chùa Lớn và một số tên khác từ Campuchia trốn về, âm thầm tuyên truyền kích động tại Cháy Sỏ, Rọ Say; tại Nhị Trường, chúng làm hầm bí mật ở Xây Cùm, tảo tợn bắn bị thương một đồng chí cấp ủy xã, rải truyền đơn có nội dung phản động tại Nhị Trường, Ngũ Lạc... Tại thị xã Trà Vinh, một nhóm trà trộn vào tu tại chùa Phương (Phường 7) tàng trữ súng ngắn, lựu đạn, hời lẽ... Tại Trà Cú, một số tên trà trộn vào tu tại các chùa thuộc xã Long Hiệp, Ngãi Xuyên, Tập Sơn... Trước tình hình phức tạp đó, Ban An ninh tỉnh lập Ban Chuyên án phối hợp với Ban An ninh các huyện, thị xã phối hợp lực lượng quân

¹⁵ Công an tỉnh Trà Vinh: *Biên niên sự kiện Lịch sử Công an Trà Vinh (1975 - 2010)*; trang 12.

sự truy quét, tiêu diệt 6 tên¹⁶, thu 04 khẩu súng và nhiều tài liệu; diệt 01 tên nguyên là trung đội trưởng dân vệ lẩn trốn tại Đại An, khai hầm bí mật diệt 01 tên nguyên là trung sĩ thám báo tại Trà Tro, 01 tên thám báo tại Cà Săng (xã Hàm Giang), diệt 02 tên phản động ở Campuchia trốn về hoạt động tại Sóc Ruộng và Chòm Chuối (xã Phước Hưng); đồng thời, ta vận động anh em binh sĩ đang học tập tốt chỉ chờ để ta đào lấy hơn 30 khẩu súng mà bọn tàn quân bảo an cố tình cất giấu trước khi trốn chạy khỏi Long Hiệp...

Tháng 8/1975, trên 2.000 người gồm giáo dân, linh mục, tu sĩ và quần chúng vùng Công giáo xã Vinh Kim (huyện Cầu Ngang) tổ chức biểu tình, kịch liệt tố cáo hành động của Linh mục Nguyễn Can Thường, Nghi Hồng... Ngoài ra, còn hàng trăm đơn kiến nghị vạch mặt những tên lợi dụng tôn giáo tiến hành các hoạt động chống phá cách mạng. Trước đó, ta đã thu hồi 30 súng, tài liệu phản động và nhiều quân trang, quân dụng khác được tàng trữ trong số giáo dân xấu và một số nhà thờ Thiên chúa giáo trong tỉnh¹⁷.

Cuối năm 1975, Ban Chuyên án phối hợp với Ban An ninh huyện Châu Thành phá rã tổ chức "*Một trận giải phóng Khmer Krôm*" trên địa bàn xã Lương Hòa và Nguyệt Hóa, bắt 09 tên¹⁸, công khai hóa hành động 11 tên khác.

Ngày 28/01/1976, Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa Miền Nam Việt Nam công bố chính sách khoan hồng, độ lượng đối với những binh sĩ ngụy quân, nhân viên ngụy quyền và đảng viên các đảng phái phản động đã đăng ký trình diện và học tập cải tạo tốt. Chính nhờ đẩy mạnh chiến dịch truy lùng, cải tạo tàn quân địch, đảm bảo an ninh trật tự, ổn định đời sống các vùng thị xã, nông thôn mới giải phóng và chính sách khoan hồng, cải tạo đúng đắn số ngụy quân, ngụy quyền làm cho các tầng lớp nhân dân trong tỉnh yên tâm, tin tưởng, ra sức lao động, sản

¹⁶ Gồm: 01 tên tại Năng Non - Hiệp Hòa, 01 tên tại rừng Cá Trê - Vinh Kim, 02 tên tại Rọ Sây - Ngũ Lạc, 01 tên tại Vinh Chùa - Long Sơn, 01 tên tại Nô Lạ - Nhị Trường.

¹⁷ Công an tỉnh Trà Vinh: Sứ, trang 16.

¹⁸ Trong đó có tên Pịch Sầm Nang là sĩ quan cấp tá có nhiều nợ máu với nhân dân Campuchia trốn về.

xuất, xây dựng cuộc sống mới, xây dựng chính quyền ngày càng vững mạnh hơn.

Lực lượng an ninh còn phối hợp tốt với lực lượng vũ trang thường xuyên tuần tra, canh gác, bảo vệ an toàn các cơ quan, cán bộ, nhất là các cơ quan đầu não, cán bộ chủ chốt của tỉnh; tiến hành đấu tranh chống lại các âm mưu phá hoại kinh tế, phá hoại nội bộ; triển khai thực hiện tốt là việc tiếp quản, phân loại, thống kê hồ sơ tàng thư địch để lại đưa vào lưu trữ, bảo quản lâu dài phục vụ công tác nghiệp vụ của ngành sau này; thực hiện thẩm tra lý lịch, rà soát số công chức, nhân viên chế độ cũ được lưu dụng; xây dựng nội quy bảo vệ cơ quan; phát động cán bộ, đảng viên và Nhân dân tích cực hưởng ứng phong trào phòng gian, bảo mật. Ở các địa bàn trọng điểm, phức tạp đều phân công cán bộ, chiến sĩ phụ trách, thường xuyên bám sát địa bàn, nắm tình hình và diễn biến tư tưởng của mọi đối tượng, xử lý kịp thời những vụ việc nảy sinh từ cơ sở.

Sau ngày giải phóng, lực lượng vũ trang tỉnh tiếp quản thị xã Trà Vinh. Trên địa bàn thị xã, là đầu não của ngụy quyền Vĩnh Bình, tập trung nhiều thành phần ngụy quân, ngụy quyền, có hơn 5.000 đối tượng ngụy quân, ngụy quyền tan rã tại chỗ ra trình diện chính quyền cách mạng; hàng vạn người dân lâu nay sống trong sự kềm kẹp, quản lý của địch, ít tiếp xúc với cách mạng, nên khi lực lượng ta vào tiếp quản, nhiều người vẫn còn nghi ngại, chưa tin tưởng vào chính sách của chính quyền cách mạng. Ban Chỉ huy tỉnh đội phân công một bộ phận cán bộ lực lượng vũ trang cùng cán bộ địa phương đi vận động, tuyên truyền, ổn định tình hình quần chúng nhân dân trên địa bàn. Qua tuyên truyền, vận động đã có hàng trăm thanh niên nam, nữ tham gia du kích, dân quân tại phường, khóm và các tổ chức đoàn thể, sẵn sàng thực hiện mọi nhiệm vụ theo yêu cầu của chính quyền quân quản, góp phần bảo vệ thành quả cách mạng.

Các lực lượng vũ trang tỉnh tổ chức thực hiện việc tiếp thu, quản lý cơ sở vật chất của chế độ cũ để lại, nhất là vũ khí và phương tiện ở các căn cứ quân sự của địch; kêu gọi sĩ quan, hạ sĩ quan, binh sĩ và công chức của chính quyền Sài Gòn ra trình diện, đăng ký học tập cải

tạo để được hưởng chính sách khoan hồng của cách mạng¹⁹. Đồng thời, sẵn sàng phối hợp cùng lực lượng công an tấn công, trấn áp những tên ngoan cố còn lẩn trốn, bọn phản cách mạng nhen nhóm tổ chức hoạt động chống phá chính quyền cách mạng; tổ chức lực lượng xuống tận cơ sở, phối hợp với lực lượng công an giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội.

Cùng với việc tham gia truy quét, trấn áp các phần tử ngoan cố, phản động, chống phá cách mạng; lực lượng vũ trang tỉnh còn tham gia xây dựng, củng cố chính quyền cách mạng; gấp rút xây dựng và phát triển các đoàn thể cách mạng. Thực hiện sự chỉ đạo của Quân Khu 9, Tỉnh đội điều động Tiểu đoàn 509 ra tiếp quản và bảo vệ Côn Đảo, đến tháng 6/1976, đơn vị hoàn thành nhiệm vụ và trở về tỉnh. Bên cạnh đó, lực lượng vũ trang còn thực hiện nhiệm vụ thu gom, xử lý các loại vũ khí, bom, mìn, vật liệu nổ còn sót lại trên địa bàn, nhất là các khu vực đồn bót, căn cứ quân sự của địch và các khu vực thường xuyên bị bom, pháo địch bắn phá... nhằm bảo đảm an toàn lao động sản xuất, phục vụ tốt cho Nhân dân an tâm trở về ruộng, vườn cũ khai hoang, phục hoá, khôi phục sản xuất, ổn định đời sống.

Ngày 10/12/1975, Quân ủy Trung ương ban hành Nghị quyết 265-NQ/QUTW về *"Nhiệm vụ quân đội tham gia xây dựng kinh tế"*, theo đó, lực lượng vũ trang tỉnh tiếp tục được tổ chức, sắp xếp lại, đưa một bộ phận lực lượng tham gia lao động sản xuất, xây dựng kinh tế, góp phần xây dựng đất nước, giảm nhẹ ngân sách quốc phòng địa phương, tạo điều kiện xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân và nền quốc phòng toàn dân; rèn luyện cán bộ, chiến sĩ có trình độ khoa học - kỹ thuật và quản lý kinh tế, vừa là người chiến sĩ bảo vệ Tổ quốc, vừa là người lao

¹⁹ Tại huyện Tiểu Cần, ta tiếp nhận sự đầu hàng của hơn 2.500 người quân, người quyền, tiếp quản các cơ quan quân sự của địch tại huyện như: chi khu, hậu cứ bảo an, thám báo, căn cứ pháo binh, thu 2.863 khẩu súng các loại, 46 máy truyền tin PRC25... Tại Cầu Ngang, ta tiếp nhận sự đầu hàng của 1.750 tên, thu hơn 2.000 khẩu súng các loại, 22 máy thông tin PRC25, 02 tàu hải quân, 04 xe quân sự. Tại Càng Long số người quân, người quyền ra trình diện 1.149 tên, có 29 sĩ quan. Tại Trà Cú, ta tiếp nhận sự đầu hàng của 800 tên, có 36 sĩ quan, thu giữ 1.863 khẩu súng các loại, 46 máy thông tin PRC25, 03 tàu hải quân, 07 xe quân sự...

động sản xuất giỏi; thực hiện chức năng “*Đội quân lao động sản xuất*” của Quân đội nhân dân Việt Nam²⁰.

Những nỗ lực của Đảng bộ và Nhân dân trong tỉnh, đặc biệt là các lực lượng an ninh và lực lượng quân đội đã góp phần giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, bảo đảm nhanh chóng ổn định tình hình về mọi mặt của tỉnh sau giải phóng, tạo điều kiện căn bản để Đảng bộ và Nhân dân Trà Vinh khôi phục và phát triển sản xuất, xây dựng cuộc sống dưới chế độ mới.

Dưới sự lãnh đạo của Tỉnh ủy, chỉ trong một thời gian ngắn, kết hợp cải tạo với xây dựng, các cấp, các ngành trong tỉnh đã huy động mọi lực lượng, mọi tầng lớp nhân dân tham gia khắc phục hậu quả chiến tranh; xây dựng và bảo vệ chính quyền cách mạng; giải quyết căn bản công tác phân loại, tổ chức giáo dục hàng ngàn binh lính, hạ sĩ quan nguy quân, viên chức nguy quyền và tạo điều kiện cho họ trở về hòa nhập với cuộc sống cộng đồng. Hệ thống bộ máy chính quyền từ tỉnh đến cơ sở được tổ chức và xây dựng, hoạt động từng bước phát huy hiệu quả, đông viên được sức mạnh đoàn kết, tinh thần yêu nước của Nhân dân trong tỉnh bước vào công cuộc xây dựng, phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội và bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới.

²⁰ Đảng ủy - Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh: *Lịch sử Lực lượng vũ trang tỉnh Trà Vinh (1975 - 2020)*; Nhà xuất bản Quân đội nhân dân, Hà Nội năm 2021; trang 17 - 26.